

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất  
tại khu quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư xã Ia Me, huyện Chư Prông**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ các Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư pháp về quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định về tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn huyện Chư Prông;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Chư Prông;

Căn cứ Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 1938/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 của UBND huyện Chư Prông về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất tại khu quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư xã Ia Me, huyện Chư Prông;

Xét Tờ trình số 24/TTr-TCKH ngày 09/7/2020 của phòng Tài chính – Kế hoạch về việc đề nghị phê duyệt giá đất khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất tại khu quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư xã Ia Me, huyện Chư Prông.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất tại khu quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư xã Ia Me, huyện Chư Prông, cụ thể như sau:

1. Đường liên xã Ia Me, huyện Chư Prông; Gồm 39 thửa; diện tích 10.627m<sup>2</sup>; giá khởi điểm 5.313.500.000 đồng.

2. Đường QH Đ9, xã Ia Me, huyện Chư Prông. Gồm 31 thửa; diện tích 8.699m<sup>2</sup>; giá khởi điểm 2.609.700.000 đồng.

(Có phụ lục kèm theo)

Tổng cộng: 70 thửa; diện tích 19.326 m<sup>2</sup>; giá khởi điểm 7.923.200.000 đồng.  
(Bằng chữ: Bảy tỷ, chín trăm hai mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng).

**Điều 2.** Căn cứ kết quả phê duyệt, Hội đồng phát triển quỹ đất và giám sát việc bán đấu giá quyền sử dụng đất huyện tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất tại các vị trí trên theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Chủ tịch Hội đồng phát triển quỹ đất và giám sát việc bán đấu giá quyền sử dụng đất, Chủ tịch UBND xã Ia Me và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu VT-TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

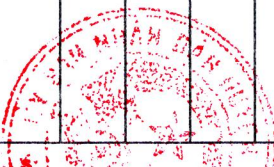


**Đinh Văn Dũng**

PHỤ LỤC: GIÁ KHỞI ĐIỂM CÁC LÔ ĐẤT TẠI KHU QH XÂY DỰNG CHI TIẾT ĐIỂM DÂN CƯ XÃ IA ME, HUYỆN CHƯ PRÔNG

(Kèm theo Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Chư Prông)

| Số TT         | Tên đường     | Ký hiệu thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Giá đất theo Quyết định 52/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 | Hệ số điều chỉnh giá đất theo Quyết định 19/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 | Giá đất cụ thể Đồng/m <sup>2</sup> | Giá đất khởi điểm Đồng/m <sup>2</sup> | Ghi chú |
|---------------|---------------|---------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------|---------|
| 1             | 2             | 3                                                 | 4                           | 5                                                       | 6                                                                       | 7=5x6                              | 8=4x7                                 |         |
| Đường liên xã |               | 39 thửa                                           | 10.627                      |                                                         |                                                                         |                                    | 5.313.500.000                         |         |
| 1             | Đường liên xã | H1                                                | 316                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 158.000.000                           | lô góc  |
| 2             | Đường liên xã | H2                                                | 282                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 141.000.000                           |         |
| 3             | Đường liên xã | H3                                                | 282                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 141.000.000                           |         |
| 4             | Đường liên xã | H4                                                | 282                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 141.000.000                           |         |
| 5             | Đường liên xã | H5                                                | 282                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 141.000.000                           |         |
| 6             | Đường liên xã | H6                                                | 282                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 141.000.000                           |         |
| 7             | Đường liên xã | H7                                                | 282                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 141.000.000                           |         |
| 8             | Đường liên xã | H8                                                | 282                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 141.000.000                           |         |
| 9             | Đường liên xã | H9                                                | 282                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 141.000.000                           |         |
| 10            | Đường liên xã | H10                                               | 282                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 141.000.000                           |         |
| 11            | Đường liên xã | H11                                               | 282                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 141.000.000                           |         |
| 12            | Đường liên xã | H12                                               | 282                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 141.000.000                           |         |



| Số TT | Tên đường     | Ký hiệu thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết | Diện tích ( $m^2$ ) | Giá đất theo Quyết định 52/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 | Hệ số điều chỉnh giá đất theo Quyết định 19/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 | Giá đất cụ thể Đồng/m <sup>2</sup> | Giá đất khởi điểm Đồng/m <sup>2</sup> | Ghi chú |
|-------|---------------|---------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------|---------|
| 13    | Đường liên xã | H13                                               | 322                 | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 161.000.000                           | lô góc  |
| 14    | Đường liên xã | K01                                               | 308                 | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 154.000.000                           | lô góc  |
| 15    | Đường liên xã | K02                                               | 276                 | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 138.000.000                           |         |
| 16    | Đường liên xã | K03                                               | 276                 | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 138.000.000                           |         |
| 17    | Đường liên xã | K04                                               | 276                 | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 138.000.000                           |         |
| 18    | Đường liên xã | K05                                               | 276                 | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 138.000.000                           |         |
| 19    | Đường liên xã | K06                                               | 276                 | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 138.000.000                           |         |
| 20    | Đường liên xã | K07                                               | 276                 | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 138.000.000                           |         |
| 21    | Đường liên xã | K08                                               | 276                 | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 138.000.000                           |         |
| 22    | Đường liên xã | K09                                               | 276                 | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 138.000.000                           |         |
| 23    | Đường liên xã | K10                                               | 273                 | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 136.500.000                           |         |
| 24    | Đường liên xã | K11                                               | 270                 | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 135.000.000                           |         |
| 25    | Đường liên xã | K12                                               | 270                 | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 135.000.000                           |         |
| 26    | Đường liên xã | K13                                               | 270                 | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 135.000.000                           |         |
| 27    | Đường liên xã | K14                                               | 270                 | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 135.000.000                           |         |
| 28    | Đường liên xã | K15                                               | 270                 | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 135.000.000                           |         |

| Số TT              | Tên đường     | Ký hiệu thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Giá đất theo Quyết định 52/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 | Hệ số điều chỉnh giá đất theo Quyết định 19/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 | Giá đất cụ thể Đồng/m <sup>2</sup> | Giá đất khởi điểm Đồng/m <sup>2</sup> | Ghi chú |
|--------------------|---------------|---------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------|---------|
| 29                 | Đường liên xã | N01                                               | 257                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 128.500.000                           | lô góc  |
| 30                 | Đường liên xã | N02                                               | 276                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 138.000.000                           |         |
| 31                 | Đường liên xã | L02                                               | 246                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 123.000.000                           |         |
| 32                 | Đường liên xã | L03                                               | 246                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 123.000.000                           |         |
| 33                 | Đường liên xã | L04                                               | 243                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 121.500.000                           |         |
| 34                 | Đường liên xã | L05                                               | 240                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 120.000.000                           |         |
| 35                 | Đường liên xã | L06                                               | 246                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 123.000.000                           |         |
| 36                 | Đường liên xã | L07                                               | 255                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 127.500.000                           |         |
| 37                 | Đường liên xã | L08                                               | 255                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 127.500.000                           |         |
| 38                 | Đường liên xã | L09                                               | 240                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 120.000.000                           |         |
| 39                 | Đường liên xã | L10                                               | 244                         | 500.000                                                 | 1,0                                                                     | 500.000                            | 122.000.000                           |         |
| <b>Đường QH D9</b> |               | <b>31 thửa</b>                                    | <b>8.699</b>                |                                                         |                                                                         |                                    | <b>2.609.700.000</b>                  |         |
| 1                  | Đường QH D9   | G01                                               | 316                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 94.800.000                            | lô góc  |
| 2                  | Đường QH D9   | G02                                               | 282                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 84.600.000                            |         |
| 3                  | Đường QH D9   | G03                                               | 282                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 84.600.000                            |         |
| 4                  | Đường QH D9   | G04                                               | 282                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 84.600.000                            |         |

| Số TT | Tên đường   | Ký hiệu thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Giá đất theo Quyết định 52/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 | Hệ số điều chỉnh giá đất theo Quyết định 19/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 | Giá đất cụ thể Đồng/m <sup>2</sup> | Giá đất khởi điểm Đồng/m <sup>2</sup> | Ghi chú |
|-------|-------------|---------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------|---------|
| 5     | Đường QH D9 | G05                                               | 282                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 84.600.000                            |         |
| 6     | Đường QH D9 | G06                                               | 282                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 84.600.000                            |         |
| 7     | Đường QH D9 | G07                                               | 282                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 84.600.000                            |         |
| 8     | Đường QH D9 | G08                                               | 282                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 84.600.000                            |         |
| 9     | Đường QH D9 | G09                                               | 282                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 84.600.000                            |         |
| 10    | Đường QH D9 | G10                                               | 282                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 84.600.000                            |         |
| 11    | Đường QH D9 | G11                                               | 282                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 84.600.000                            |         |
| 12    | Đường QH D9 | G12                                               | 282                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 84.600.000                            |         |
| 13    | Đường QH D9 | G13                                               | 308                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 92.400.000                            | lô góc  |
| 14    | Đường QH D9 | I01                                               | 308                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 92.400.000                            | lô góc  |
| 15    | Đường QH D9 | I02                                               | 276                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 82.800.000                            |         |
| 16    | Đường QH D9 | I03                                               | 276                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 82.800.000                            |         |
| 17    | Đường QH D9 | I04                                               | 276                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 82.800.000                            |         |
| 18    | Đường QH D9 | I05                                               | 276                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 82.800.000                            |         |
| 19    | Đường QH D9 | I06                                               | 276                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 82.800.000                            |         |
| 20    | Đường QH D9 | I07                                               | 276                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 82.800.000                            |         |

| Số TT                     | Tên đường   | Ký hiệu thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Giá đất theo Quyết định 52/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 | Hệ số điều chỉnh giá đất theo Quyết định 19/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 | Giá đất cụ thể Đồng/m <sup>2</sup> | Giá đất khởi điểm Đồng/m <sup>2</sup> | Ghi chú |
|---------------------------|-------------|---------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------|---------|
| 21                        | Đường QH D9 | 108                                               | 276                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 82.800.000                            |         |
| 22                        | Đường QH D9 | 109                                               | 276                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 82.800.000                            |         |
| 23                        | Đường QH D9 | 110                                               | 273                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 81.900.000                            |         |
| 24                        | Đường QH D9 | 111                                               | 270                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 81.000.000                            |         |
| 25                        | Đường QH D9 | 112                                               | 270                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 81.000.000                            |         |
| 26                        | Đường QH D9 | 113                                               | 270                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 81.000.000                            |         |
| 27                        | Đường QH D9 | 114                                               | 270                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 81.000.000                            |         |
| 28                        | Đường QH D9 | 115                                               | 270                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 81.000.000                            |         |
| 29                        | Đường QH D9 | 116                                               | 301                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 90.300.000                            | lô góc  |
| 30                        | Đường QH D9 | M01                                               | 257                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 77.100.000                            | lô góc  |
| 31                        | Đường QH D9 | M02                                               | 276                         | 300.000                                                 | 1,0                                                                     | 300.000                            | 82.800.000                            |         |
| <b>TỔNG KHU QUY HOẠCH</b> |             | <b>70 thửa</b>                                    | <b>19.326</b>               |                                                         |                                                                         |                                    | <b>7.923.200.000</b>                  |         |